

THÔNG TƯ

Hướng dẫn quản lý hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chuyển giao công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia;

Theo đề nghị của Giám đốc Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn quản lý hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia.

CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quản lý một số hoạt động của Quỹ Đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây gọi tắt là Quỹ) được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ ban hành kèm theo Quyết định số 04/2021/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ (sau đây gọi tắt là Điều lệ Quỹ), bao gồm: hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ; quản lý và triển khai thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; xây dựng, ký kết và quản lý thực hiện chương trình hợp tác của Quỹ; tiếp nhận nguồn vốn từ tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Quỹ và các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân



có liên quan đến các hoạt động của Quỹ được quy định tại Điều 1 Thông tư này.

CHƯƠNG II HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 3. Hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ bao gồm cho vay ưu đãi, hỗ trợ lãi suất vay, bảo lãnh để vay vốn và hỗ trợ vốn theo quy định tại Chương III Điều lệ Quỹ và hướng dẫn của Hội đồng quản lý Quỹ.

2. Hoạt động hỗ trợ tài chính của Quỹ đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

Điều 4. Nguồn kinh phí hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Kinh phí để thực hiện các hoạt động hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân được quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ.

2. Hằng năm, căn cứ tình hình thực hiện, kết quả đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ của năm kế hoạch và kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ dự kiến của năm tiếp theo, Giám đốc Quỹ lập kế hoạch hoạt động hỗ trợ tài chính và trình Hội đồng quản lý Quỹ quyết định.

CHƯƠNG III QUẢN LÝ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Điều 5. Nguyên tắc chung

1. Quỹ quản lý và triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ được Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao đảm bảo công khai, minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

2. Quỹ lựa chọn, quản lý các nhiệm vụ đảm bảo không trùng lặp với các nhiệm vụ đã được thực hiện bằng nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 6. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Quỹ thực hiện trách nhiệm của đơn vị quản lý chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoặc đơn vị quản lý kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Quỹ tổ chức quản lý và triển khai thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo các văn bản quy định việc quản lý, tổ chức thực hiện, quản lý tài chính đối với chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ, hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ và các văn bản liên quan.

Điều 7. Kinh phí thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

được đảm bảo từ các nguồn: Kinh phí từ ngân sách nhà nước; vốn đối ứng của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân; nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hằng năm, Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét và quyết định ngân sách nhà nước dành cho sự nghiệp phát triển khoa học và công nghệ để thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định.

CHƯƠNG IV

XÂY DỰNG, KÝ KẾT VÀ QUẢN LÝ THỰC HIỆN

CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC CỦA QUỸ

Điều 8. Mục tiêu, nguyên tắc hợp tác

1. Quỹ và doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước hoặc ngoài nước (sau đây gọi tắt là đối tác của Quỹ) xây dựng các chương trình hợp tác phù hợp chức năng, nhiệm vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật. Mục tiêu của chương trình hợp tác:

a) Hỗ trợ các dự án, nhiệm vụ của doanh nghiệp, tổ chức đủ điều kiện được nhận hỗ trợ theo quy định tại Điều lệ Quỹ;

b) Nâng cao năng lực đổi mới công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thông qua thu hút các nguồn lực trong nước và ngoài nước (tài chính, công nghệ, nhân lực công nghệ trình độ cao);

c) Thúc đẩy hợp tác trong hỗ trợ doanh nghiệp giải mã, chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ giữa các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân Việt Nam và quốc tế; tạo dựng môi trường hợp tác nhằm nâng cao năng lực công nghệ quốc gia;

d) Tăng cường kết nối, phát triển mạng lưới hợp tác trong nước và quốc tế; đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ phục vụ việc chuyển giao, đổi mới, hoàn thiện công nghệ;

đ) Nâng cao năng lực của Quỹ về quản trị bộ máy, hoạt động nghiệp vụ, nguồn nhân lực; xây dựng cơ sở dữ liệu về sản phẩm, công nghệ, doanh nghiệp và chuyên gia phục vụ hoạt động của Quỹ; xây dựng các bộ công cụ hỗ trợ quản lý Quỹ.

2. Nguyên tắc hợp tác:

a) Việc xác định chương trình hợp tác phải phù hợp với mục tiêu, định hướng ưu tiên, kế hoạch và kinh phí hoạt động của Quỹ;

b) Quỹ ưu tiên lựa chọn, hợp tác với các đối tác của Quỹ có uy tín, có tiềm lực, kinh nghiệm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Quỹ, cam kết đóng góp tài chính cho chương trình hợp tác;

c) Đối với các chương trình hợp tác có đối tác nước ngoài tham gia cần đảm bảo phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thỏa thuận

quốc tế liên quan mà Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham gia ký kết;

d) Đối với các chương trình hợp tác có sự tham gia, đóng góp của các tổ chức phi chính phủ hoạt động tại Việt Nam, Quỹ phối hợp, lấy ý kiến của Bộ Ngoại giao trong quá trình lựa chọn đối tác.

Điều 9. Lựa chọn đối tác, phê duyệt và ký kết văn bản hợp tác

1. Quỹ tiến hành tìm kiếm, lựa chọn đối tác phù hợp, đàm phán xác định chương trình hợp tác, các nội dung hợp tác và tiến hành xây dựng dự thảo văn bản hợp tác theo các quy định hiện hành.

2. Ký kết văn bản hợp tác:

a) Thủ tục xin ý kiến, ký kết văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác nước ngoài thực hiện theo quy định hiện hành có liên quan.

Sau khi có ý kiến chấp thuận của Lãnh đạo Bộ Khoa học và Công nghệ, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ ký văn bản hợp tác với đối tác nước ngoài của Quỹ;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phê duyệt văn bản hợp tác giữa Quỹ và đối tác trong nước.

Sau khi văn bản hợp tác được phê duyệt, Giám đốc Quỹ ký văn bản hợp tác với đối tác trong nước của Quỹ theo quy định hiện hành.

Điều 10. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện chương trình hợp tác

1. Chậm nhất sau 15 ngày kể từ ngày ký kết văn bản hợp tác, Quỹ có trách nhiệm công bố thông tin về chương trình hợp tác và các nội dung liên quan trên cổng thông tin điện tử của Quỹ.

2. Giám đốc Quỹ và bộ máy giúp việc tổ chức triển khai, thực hiện chương trình hợp tác theo thỏa thuận hợp tác hai bên đã ký.

3. Kinh phí thực hiện các chương trình hợp tác được đảm bảo từ các nguồn: kinh phí từ ngân sách nhà nước; kinh phí từ kết quả hoạt động của Quỹ; kinh phí hình thành từ các nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp tự nguyện của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong nước và nước ngoài dành cho Quỹ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG V TIẾP NHẬN NGUỒN VỐN TỪ TÀI TRỢ, VIỆN TRỢ, ĐÓNG GÓP TỰ NGUYỆN

Điều 11. Nguyên tắc tiếp nhận tài trợ, đóng góp

Quỹ tiếp nhận nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp theo quy định của pháp luật (sau đây gọi tắt là tài trợ, đóng góp) theo các nguyên tắc sau:

1. Quỹ được tiếp nhận nguồn tài trợ, đóng góp của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, trong nước và ngoài nước dành cho Quỹ theo các quy định tại Thông tư

này và các quy định liên quan.

2. Việc tài trợ, đóng góp cho Quỹ phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch theo các quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Thông tư này.

3. Quỹ không được tiếp nhận tài trợ, đóng góp gây phương hại đến lợi ích quốc gia, an ninh, quốc phòng, vi phạm pháp luật về phòng, chống tham nhũng, hoạt động rửa tiền, tài trợ khủng bố và các hoạt động trái pháp luật.

4. Quỹ phối hợp với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài và các Bộ, ngành liên quan trong việc giới thiệu, kết nối và hỗ trợ các cơ quan, đơn vị, quỹ trong nước hợp tác với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài trong các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ.

5. Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, thỏa thuận quốc tế mà Bộ Khoa học và Công nghệ đã tham gia ký kết; phù hợp với nguyên tắc quản lý, sử dụng nguồn vốn hoạt động của Quỹ và các quy định hiện hành có liên quan.

6. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tài trợ, đóng góp cho Quỹ (sau đây gọi tắt là nhà tài trợ, bên đóng góp) phải tự đảm bảo và chịu trách nhiệm về nguồn gốc, tính hợp pháp của khoản tài trợ, đóng góp cho Quỹ.

Điều 12. Thẩm định hồ sơ, phê duyệt và ký kết tài trợ, đóng góp

1. Chuẩn bị hồ sơ tài trợ, đóng góp:

a) Đối với khoản tài trợ, đóng góp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ: Quỹ chủ trì, phối hợp với các đối tác của Quỹ và nhà tài trợ, bên đóng góp chuẩn bị văn bản, hồ sơ tài trợ, đóng góp theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam và các quy định hiện hành (sau đây gọi tắt là Nghị định số 80/2020/NĐ-CP);

b) Đối với khoản tài trợ, đóng góp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ: Quỹ chuẩn bị văn bản, hồ sơ tài trợ, đóng góp theo quy định hiện hành.

2. Thẩm định khoản tài trợ, đóng góp:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định khoản tài trợ, đóng góp của đối tác nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

b) Quỹ chủ trì tổ chức thẩm định khoản tài trợ, đóng góp của đối tác trong nước.

Nội dung thẩm định bao gồm: Tính phù hợp của mục tiêu tài trợ, đóng góp với mục tiêu phát triển của Quỹ; tư cách pháp nhân của các nhà tài trợ, bên đóng

góp và tính hợp pháp theo quy định của pháp luật Việt Nam của các tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp có liên quan; khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của Quỹ; các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản tài trợ, đóng góp; những cam kết, điều kiện tiên quyết và các điều kiện khác của các bên tham gia; hiệu quả, tác động về kinh tế - xã hội, an ninh, trật tự xã hội, khả năng vận dụng kết quả tài trợ, đóng góp vào thực tiễn;

c) Đơn vị chủ trì tổ chức thẩm định có thể mời các đơn vị chuyên môn, các tổ chức tư vấn và chuyên gia tư vấn độc lập để hỗ trợ thẩm định văn bản, hồ sơ khoản tài trợ, đóng góp;

d) Trường hợp khoản tài trợ, đóng góp không đủ điều kiện tiếp nhận, Quỹ thông báo cho nhà tài trợ, bên đóng góp về việc không tiếp nhận.

3. Phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp:

a) Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp của đối tác nước ngoài theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP;

b) Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ quyết định phê duyệt khoản tài trợ, đóng góp của đối tác trong nước.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ thực hiện ký kết văn kiện, thỏa thuận tài trợ, đóng góp với nhà tài trợ, bên đóng góp.

5. Quỹ tổ chức quản lý, sử dụng các khoản tài trợ, đóng góp theo thỏa thuận hợp tác hai bên đã ký.

CHƯƠNG VI TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo hoạt động

1. Quỹ công bố định kỳ những thông tin cơ bản về Quỹ và các thông tin bất thường trong quá trình hoạt động trên công thông tin của Quỹ theo quy định tại Điều 41 Điều lệ Quỹ.

2. Quỹ thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng các nguồn vốn của Quỹ định kỳ 6 tháng, hàng năm. Các Báo cáo của Quỹ được thực hiện theo mẫu ban hành kèm theo Thông tư này, bao gồm:

a) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng vốn điều lệ theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này;

b) Báo cáo tình hình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này;

c) Báo cáo tình hình thực hiện hỗ trợ vốn và hỗ trợ lãi suất vay theo Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này;

d) Báo cáo tình hình cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp và bảo lãnh để vay vốn theo Phụ lục 4 kèm theo Thông tư này;

đ) Báo cáo tình hình thực hiện chương trình hợp tác, tiếp nhận tài trợ, đóng góp theo Phụ lục 5 kèm theo Thông tư này.

3. Quỹ có trách nhiệm cung cấp thông tin, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng theo quy định của pháp luật.

4. Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các Báo cáo trên.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với Quỹ và các nhiệm vụ, quyền hạn khác của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với Quỹ theo quy định tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Giao các đơn vị thuộc Bộ thực hiện trách nhiệm:

a) Vụ Pháp chế phối hợp với Quỹ hướng dẫn, hoàn thiện, sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp lý về tổ chức và hoạt động của Quỹ;

b) Vụ Tổ chức cán bộ, Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phân công của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thực hiện kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả hoạt động của Quỹ theo quy định tại Thông tư này và các văn bản liên quan;

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách nhà nước hàng năm, bố trí kinh phí cho Quỹ để quản lý và thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 15. Trách nhiệm của Quỹ

1. Tổ chức quản lý và triển khai thực hiện hiệu quả các hoạt động hỗ trợ tài chính; chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do Thủ tướng Chính phủ hoặc Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ giao; các chương trình hợp tác; các hoạt động khác quy định tại Thông tư này.

2. Tiếp nhận, quản lý và sử dụng hiệu quả, đúng quy định pháp luật các nguồn vốn hoạt động theo quy định tại Điều 34 Điều lệ Quỹ.

3. Ban hành văn bản theo thẩm quyền để hướng dẫn triển khai, thực hiện Điều lệ Quỹ và Thông tư này.

Điều 16. Trách nhiệm của doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ tham gia các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tuân thủ các văn bản hướng dẫn việc quản lý, tổ chức thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ và văn bản liên quan.

2. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động quy định tại Thông tư này có trách nhiệm tuân thủ các cam kết với Quỹ, quy định của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã ký kết.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2021.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, các văn bản được dẫn chiếu trong Thông tư này nếu được thay thế, sửa đổi, bổ sung thì áp dụng theo các văn bản mới ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /.

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, NATIF.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Trần Văn Tùng

PHỤ LỤC 1
BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VỐN ĐIỀU LỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BKHCN ngày 20/8/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Hoạt động tín dụng của Quỹ (theo dự án)	Chỉ tiêu sử dụng vốn										Phân loại nợ theo QĐ 493/2005/QĐ-NHNN)	Số thu nợ lãi		
	Thời điểm phát sinh	Thời hạn (tháng)	Nhu cầu vốn theo hợp đồng/kế hoạch đăng ký	Số giải ngân			Số thu nợ gốc			Dự nợ cuối kỳ		Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Lũy kế đến kỳ báo cáo
				Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Lũy kế đến kỳ báo cáo	Kế hoạch năm	Thực hiện năm	Lũy kế đến kỳ báo cáo					
B	D	E	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(4)-(7)	(9)	(10)	(11)	(12)
I. Quỹ cho vay gián tiếp														
A. Vốn đăng ký trong kỳ														
B. Vốn thực hiện trong kỳ														
Dự án ...														
Dự án ...														
C. Chênh lệch đăng ký – thực hiện C=A – B)														
II. Quỹ cho vay trực tiếp														
A. Vốn đăng ký trong kỳ														

B. Vốn thực hiện trong kỳ														
Dự án ...														
Dự án ...														
C. Chênh lệch đăng ký – thực hiện C=A – B)														
III. Thực hiện bảo lãnh cho vay														
A. Vốn đăng ký trong kỳ														
B. Vốn thực hiện trong kỳ														
Dự án ...														
Dự án ...														
C. Chênh lệch đăng ký – thực hiện C=A – B)														

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 2
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CÁC CHƯƠNG TRÌNH, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BKH-CN ngày 20/8/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Tình hình thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tình hình thực hiện các chương trình khoa học và công nghệ
2. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ
3. Kết quả thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung tài trợ	Mục tiêu	Tổng kinh phí	Tổng mức tài trợ	Giải ngân	Ghi chú
1	Chương trình					
	<i>(Chi tiết các nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình)</i>					
2	Nhiệm vụ khoa học và công nghệ					
	<i>(Chi tiết các nhiệm vụ khoa học và công nghệ)</i>					
	Tổng số					

II. Kế hoạch thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ

III. Đề xuất, kiến nghị

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 3

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
HỖ TRỢ VỐN VÀ HỖ TRỢ LÃI SUẤT VAY**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BKHHCN ngày 20/ 8/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Tình hình thực hiện hỗ trợ vốn và hỗ trợ lãi suất vay

1. Tình hình thực hiện hỗ trợ vốn
2. Tình hình thực hiện hỗ trợ lãi suất vay
3. Kết quả thực hiện hỗ trợ vốn và hỗ trợ lãi suất vay

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung tài trợ	Mục tiêu	Tổng kinh phí	Tổng mức tài trợ	Giải ngân	Ghi chú
1	Hỗ trợ vốn <i>(Chi tiết các dự án)</i>					
2	Hỗ trợ lãi suất vay <i>(Chi tiết các dự án)</i>					
	Tổng số					

II. Kế hoạch thực hiện hỗ trợ vốn và hỗ trợ lãi suất vay**III. Đề xuất, kiến nghị**

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 4

BÁO CÁO TÌNH HÌNH

CHO VAY TRỰC TIẾP, CHO VAY GIÁN TIẾP VÀ BẢO LÃNH ĐỂ VAY VỐN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BKHCN ngày 20/8/2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Tình hình thực hiện cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp và bảo lãnh để vay vốn

1. Tình hình thực hiện cho vay trực tiếp
2. Tình hình thực hiện cho vay gián tiếp
3. Tình hình thực hiện bảo lãnh để vay vốn
4. Kết quả thực hiện cho vay trực tiếp, cho vay gián tiếp và bảo lãnh để vay vốn

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị vay vốn (tên dự án)	Số giải ngân cho vay		Số thu nợ		Số dư			Số lãi phải thu từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Số lãi đã thu từ đầu năm đến kỳ báo cáo
		Trong kỳ	Từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Từ đầu năm đến kỳ báo cáo	Nợ đủ tiêu chuẩn	Nợ quá hạn	Nợ khó đòi, khoanh nợ		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Quỹ cho vay trực tiếp									
									
II	Quỹ cho vay gián tiếp									
									
III	Quỹ bảo lãnh để vay vốn									
									

	Tổng cộng									
--	------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--

II. Kế hoạch thực hiện vay trực tiếp, cho vay gián tiếp và bảo lãnh để vay vốn

III. Đề xuất, kiến nghị

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

PHỤ LỤC 5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VÀ TIẾP NHẬN TÀI TRỢ, ĐÓNG GÓP

(Ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BKHCN ngày 20/ 8 /2021 của Bộ Khoa học và Công nghệ)

I. Tình hình thực hiện chương trình hợp tác và tiếp nhận tài trợ, đóng góp

1. Tình hình thực hiện chương trình hợp tác
2. Tình hình thực hiện tiếp nhận tài trợ, đóng góp
3. Kết quả thực hiện chương trình hợp tác và tiếp nhận tài trợ, đóng góp

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Mục tiêu	Tổng kinh phí	Kinh phí đối ứng (nếu có)	Giải ngân	Ghi chú
1	Hợp tác <i>(Chi tiết các chương trình hợp tác)</i>					
2	Tiếp nhận tài trợ, đóng góp <i>(Chi tiết các khoản tài trợ, đóng góp)</i>					
	Tổng số					

II. Kế hoạch thực hiện chương trình hợp tác và tiếp nhận tài trợ, đóng góp

III. Đề xuất, kiến nghị

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH BỘ PHẬN

(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)